

Số: 305/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 06 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Mặt bằng sân công nghiệp mỏ than Khe Chàm III của Công ty than Khe
Chàm - TKV tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND tỉnh ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4444/2007/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND tỉnh "V/v ban hành quy định về trình tự chấp thuận địa điểm xây dựng và lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng...";

Căn cứ Quyết định số 3756/QĐ-UBND ngày 21/11/2008 của UBND tỉnh "V/v gia hạn thời hạn thực hiện Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt địa điểm xây dựng Mặt bằng sân công nghiệp mỏ than Khe Chàm III của Công ty than Khe Chàm - TKV tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả";

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 06/SXD-QH ngày 05/01/2009 và Bản đồ quy hoạch mặt bằng sử dụng đất đã được UBND thị xã Cẩm Phả thỏa thuận; Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mặt bằng sân công nghiệp mỏ than Khe Chàm III của Công ty than Khe Chàm - TKV tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả (kèm theo Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500) với các nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới:

Tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả; có giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp mỏ than Khe Chàm I;
- Phía Tây giáp mỏ than Bàng Nâu;

- Phía Nam giáp tuyến đường chuyên dùng;

- Phía Bắc giáp mỏ than Khe Chàm II;

2. Tính chất: đầu tư xây dựng mặt bằng sân công nghiệp mỏ than Khe Chàm III;

3. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Ranh giới: A.B.C...G.H.K; diện tích: 200.502m²;

3.1. Quy hoạch sử dụng đất:

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	19.751	9,85
2	Đất cây xanh	70.931	35,37
3	Đất giao thông	41.572	20,73
4	Đất hạ tầng kỹ thuật, đất khác	68.248	34,05
Tổng		200.502	100,0

- Danh mục sử dụng đất:

STT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất xây dựng (m ²)	Tầng cao trung bình
I	Khu văn phòng điều hành sản xuất	VP (VP1, VP2)	20.950	02
1	Nhà điều hành sản xuất	75	2.433	
2	Nhà ăn 150 chỗ	76	518	
3	Nhà khách	77	454	
4	Nhà văn hóa	78	840	
5	Nhà bảo vệ	81	10,8	
6	Trạm biến áp 6/0,4KV	63	65	
7	Nhà chờ xe số 2	79	225	
8	Nhà nghỉ công nhân (05 nhà)	81	1.134	
9	Gara ô tô	80	139,5	
10	Nhà thể thao	82	1.125	
11	Cây xanh		8.936	
12	Sân bãi		7.500	
II	Đất mặt bằng cửa giếng	SCN	47.920	01

1	Nhà che miệng giếng chính	27	521,8	
2	Nhà che miệng giếng phụ	27	498,6	
3	Trạm nén khí	28	322	
4	Nhà sinh hoạt chung	29	5.624	
5	Phân xưởng cơ điện	30	1.269	
6	Phân xưởng bảo dưỡng ô tô	31	648	
7	Phân xưởng sửa chữa thiết bị điện	32	324	
8	Phân xưởng gia công vì chống	33	540	
9	Xưởng gia công gỗ	34	324	
10	Kho nhiên liệu	35	70	
11	Kho phụ tùng vật liệu (02 nhà)	36	540	
12	Nhà chờ xe số 1	37	450	
13	Nhà vệ sinh	38	34,6	
14	Trạm lật goòng	39	25	
15	Băng tải than	40	165	
16	Trạm điện Diezen (hiện có)	43	113	
17	Bể xử lý dầu	44	8	
18	Nhà nổi hơi	45	59	
19	Nhà thường trực bảo vệ (03 nhà)	46	32	
20	Cầu rửa xe	47	95	
21	Nhà nấu nước nóng	48	33	
22	Nhà cầu đi bộ	49	375	
23	Hồ xử lý nước thải	41	405	
24	Trạm biến áp 6/0,4KV khu SCN	61	110	
25	Trạm biến áp 6/0,4KV số 1	62	65	
26	Trạm biến áp 6/0,4KV số 2	65	65	
27	Trạm biến áp 6/0,4KV số 3	66	65	
28	Cây xanh		6.625	
29	Sân bãi		17.760	
30	Đường giao thông		4.214	
31	Đất khác (tường kê, rãnh nước..)		7.618	
III	Đất giao thông hạ tầng		37.294	
IV	Đất cây xanh phòng hộ	CX	55.370	

V	Đất công trình đầu mối HTKT	KT	5.658	
1	Hệ thống cung cấp nước		1.173	
2	Hệ thống cung cấp điện		1.860	
3	Hệ thống (đê ngăn, rãnh đĩnh...)		2.625	
VI	Đất khác		32.356	

- Mật độ xây dựng: 9,85%;

- Chỉ giới xây dựng: theo hồ sơ đồ án quy hoạch được duyệt;

3.2. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền:

- Mặt bằng cửa giếng +25: hướng dốc san nền về phía Đông và Đông Nam; Cao độ san nền cao nhất +25,50, thấp nhất +23,75;

- Mặt bằng khu điều hành sản xuất: hướng dốc san nền về phía suối Khe Chàm; Cao độ san nền +25,00;

- Cải tạo lại tuyến đường ô tô đoạn đi qua mặt bằng dài 415m từ Đ1 đến Đ4; Cao độ tuyến đường từ +18,50 đến 22,30;

b. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: gồm 2 tuyến:

+ Tuyến đường số 1: cải tạo nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp IV; nền rộng 9,0m, mặt đường rộng 7,0m; Cao độ mặt đường từ +18,50 đến +22,30;

+ Tuyến Khe Tam- Khe Chàm III thiết kế theo dự án riêng;

- Giao thông nội bộ:

+ Tuyến đường số 2: mặt đường 6m, nền đường 9m; chiều dài 131,53m;

+ Tuyến đường số 3: mặt đường 6m, nền đường 9m; chiều dài 157,37m;

+ Tuyến đường số 4: mặt đường 3,5m; chiều dài 81,51;

+ Tuyến đường số 5: mặt đường 6m, nền đường 7,5m; chiều dài 132m;

+ Tuyến đường số 6: mặt đường 3,5m, nền đường 6m; chiều dài 280m;

+ Tuyến đường xe goòng 600: chiều dài 470m;

- Hệ thống sân bãi:

+ Sân bê tông khu văn phòng: 7.500m²;

+ Sân công nghiệp cửa giếng: 8.850m²;

+ Mặt cấp phối sân công nghiệp cửa giếng: 8.910m²;

c. Thoát nước:

- Thoát nước mặt: sử dụng hệ thống rãnh, hố ga thu thoát nước mặt, hệ thống rãnh đĩnh, đê ngăn đá thải; thu nước mặt theo hướng dốc san nền thoát nước ra suối hiện có;

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý qua hệ thống bể tự hoại sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung;

- Thoát nước thải các khu sửa chữa cơ khí có dầu mỡ được thu qua các hố ga sau khi lắng trong mới xả ra ngoài, cặn dầu mỡ được thu gom đem đi đốt;

d. Cấp nước:

+ Nguồn cấp cấp nước sinh hoạt: lấy từ hệ thống cấp nước Khe Rứa;

+ Nguồn cấp cấp nước cho sản xuất: lấy từ hạ nguồn suối Bản;

e. Cấp điện:

- Nguồn cấp: lấy từ trạm biến áp TBA35/6KV-2x100000KVA xây dựng mới tại mặt bằng sân công nghiệp +25;

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Công ty than Khe Chàm - TKV (Chủ đầu tư) triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định công bố công khai quy hoạch được duyệt; hoàn thiện các hồ sơ thiết kế, dự án, đấu nối hạ tầng kỹ thuật; lưu trữ hồ sơ; đánh giá tác động môi trường; hoàn thiện hồ sơ đất đai; cấp phép xây dựng, triển khai xây dựng công trình theo quy hoạch và thiết kế được duyệt;

- Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả phối hợp với Chủ đầu tư công bố, công khai quy hoạch; quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định;

- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng; thẩm định thiết kế, cấp giấy phép xây dựng công trình thuộc thẩm quyền theo quy định.

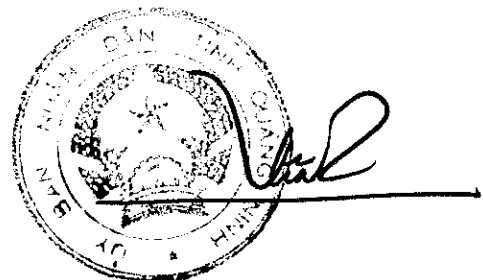
Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V1, QH1, QLĐĐ2, TH1;
- Lưu: VT, QH2.

20 bản-QĐ01

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông